

Số: /BC-THCSLHP

Đức Linh, ngày 25 tháng 12 năm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông
năm học 2025-2026 theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường THCS Lê Hồng Phong báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Lê Hồng Phong

2. Địa chỉ: Đường ĐT 720, thôn Vũ Hòa 4 – xã Đức Linh – tỉnh Lâm Đồng.

Thư điện tử: theslhp.duclinh@lamdong.gov.vn

3. Loại hình trường Công lập

Số liệu lớp, học sinh - Năm học 2025-2026:

Khối	Số lớp	Học sinh	Nữ	Số HS/lớp	Dân tộc	Con TB	Hộ nghèo	Hộ Cận nghèo	Mồ côi	Lưu ban	Khuyết Tật
6	4	159	75	40	5		3	5			1
7	4	143	72	36	4		1	3		1	
8	5	192	97	39	2		4	5		2	2
9	4	154	67	39	3	2	1	4			1
Cộng	17	648	311	38	14	2	9	17		3	4

4. Sự mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường THCS Lê Hồng Phong

4.1. Sự mệnh: Giáo dục cho học sinh

Về phẩm chất: Giáo dục học sinh đạt 05 phẩm chất Yêu nước; Nhân ái; Chăm chỉ; Trung thực; Trách nhiệm.

Về Năng lực: Giáo dục rèn luyện cho học sinh hình thành và phát triển 10 năng lực cốt lõi của học sinh trung học cơ sở: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng trường THCS Lê Hồng Phong là nơi để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập rèn luyện để trở thành người công dân có ích, góp phần xây dựng tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4.3. Mục tiêu

4.3.1. Mục tiêu chung

Giáo dục học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành ở cấp tiểu học, biết tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Xây dựng trường THCS Lê Hồng Phong là nơi để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập rèn luyện. Xây dựng nhà trường thành nơi mà đội ngũ thầy cô giáo coi trường là nhà và gửi gắm sự tâm huyết đến từng học sinh, là cơ sở giáo dục sạch, đẹp về cảnh quan, với môi trường giáo dục thân thiện, luôn đảm bảo nền nếp, kỷ cương và chất lượng.

4.3.2. Mục tiêu cụ thể: Phân đầu năm học 2025-2026

+ Về kết quả học tập

Phân đầu có 635/648, tỉ lệ: 98% học sinh được đánh giá từ mức đạt trở lên, trong đó: Mức tốt: 110/648, tỉ lệ 17%; Mức khá: 234/648, tỉ lệ: 36%

+ Về kết quả rèn luyện

- Đảm bảo 100% học sinh được đánh giá từ mức đạt trở lên (*kể cả học sinh sau khi rèn luyện hè*), trong đó: Đạt mức tốt: 425/648, tỉ lệ 65,6%; Đạt mức khá: 176/648, tỉ lệ 27,2%.

+ Về kết quả chung

- Phân đầu đạt tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS là 100%; ít nhất 85% học sinh trúng tuyển vào học THPT; 15% học sinh còn lại vào học các trường nghề.

- Đảm bảo không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban.

- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, các nội dung giáo dục theo chương trình giáo dục 2018, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả đạt yêu cầu trên 90% (*tính trên tổng số học sinh tham gia*).

- Tăng cường công tác tư vấn tâm lý, công tác giúp đỡ học sinh khó khăn, đảm bảo 80% học sinh được hỗ trợ để học tập đạt yêu cầu.

- Phân đầu có 100% học sinh khuyết tật được giáo dục hòa nhập và đủ điều kiện lên lớp.

- Phân đầu có học sinh Đạt giải trong các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, thể thao, Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật.

- Về danh hiệu thi đua:

Phần đầu có 30/648, tỉ lệ 4.6% học sinh đạt danh hiệu Học sinh xuất sắc; có 80/648, tỉ lệ: 12,3% học sinh đạt danh hiệu học sinh Giỏi.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường THCS Lê Hồng Phong

Trường THCS Vũ Hòa được chính thức thành lập ngày 30 tháng 9 năm 1995 theo Quyết định thành lập số 116/KHTV của Sở GD&ĐT Bình Thuận, được xây dựng tại thôn 5 xã Vũ Hòa, với diện tích chưa đầy 3000 m² (2.980 m²). Ban đầu toàn trường chỉ có 10 lớp học với 410 học sinh và 12 cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Đến năm học 2004 - 2005 số lượng học sinh lên 1020 em, đội ngũ giáo viên 48 người, trước thực trạng quá tải về không gian học tập và hoạt động của học sinh, trường THCS Vũ Hòa được hoán đổi vị trí với Trường tiểu học Vũ Hòa I nằm trên địa bàn thôn 4 xã Vũ Hòa, với diện tích đất 14 841 m². Mặc dù diện tích đất lí tưởng có điều kiện phát triển sự nghiệp giáo dục một cách toàn diện, song cơ sở vật chất tại đây hầu hết được xây dựng từ những năm 1986, đã quá hạn sử dụng từ lâu, cây cối, khuôn viên chưa được quy hoạch hợp lí.

Ngày 28 tháng 6 năm 2016 trường được đổi tên thành Trường THCS Lê Hồng Phong theo Quyết định số: 2610/QĐ-UBND của UBND Huyện Đức Linh ký ngày 28 tháng 6 năm 2016. Đến năm 2017 trường được xây mới hoàn thiện khang trang, gồm 3 dãy lầu, 10 phòng học kiên cố để học sinh học 02 buổi, 06 phòng học bộ môn, phòng hội đồng và các phòng ban khác tương đối đầy đủ. Khuôn viên trường đều được xây hàng rào bảo vệ và được quy hoạch tổng thể một cách hợp lí, khoa học.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, UBND Huyện Đức Linh ban hành Quyết định số 466/QĐ-UBND về chuyển giao nguyên trạng Trường THCS Lê Hồng Phong về cho UBND xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng quản lý theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Trải qua quá trình hình thành, xây dựng và phát triển, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS Lê Hồng Phong đã phấn đấu không ngừng thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, có nhiều thế hệ học sinh trưởng thành và trở thành những công dân có ích cho xã hội. Nhà trường luôn thực hiện đúng, đủ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh, quan tâm việc phụ đạo HS yếu kém; bồi dưỡng HS giỏi. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý được chú trọng. Do đó, đã tạo nên những chuyển biến khá mạnh mẽ về chất lượng. Trong nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp tỉnh. Nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm cho học sinh với mục tiêu là giáo dục thế hệ trẻ trở thành những công dân có nếp sống văn minh, có lòng yêu nước, sống nhân ái, trung thực, làm việc chăm chỉ, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

Tuy cơ sở vật chất, thiết bị của trường đã đáp ứng cơ bản cho hoạt động dạy học nhưng vẫn còn thiếu so với yêu cầu hiện nay, đặc biệt là yêu cầu của chương trình giáo dục 2018. Học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn còn nhiều, có một số cha mẹ ít quan tâm đến việc học tập và rèn luyện đạo đức của con em mình. Những vấn đề này ảnh hưởng không ít đến chất lượng dạy và học của nhà trường.

6. Thông tin người đứng đầu cơ sở

Họ và tên: Huỳnh Thiện Phong; Số CCCD: 079069021543

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0911663569

Địa chỉ thư điện tử: phonght.duclinh@lamdong.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Năm 2016 trường được đổi tên thành THCS Lê Hồng Phong theo Quyết định số 2610/QĐ-UBND của UBND Huyện Đức Linh ngày 28 tháng 6 năm 2016 của chủ tịch UBND huyện Đức Linh. Ngày 27 tháng 6 năm 2025, UBND Huyện Đức Linh ban hành Quyết định số 466/QĐ-UBND về chuyển giao nguyên trạng Trường THCS Lê Hồng Phong về cho UBND xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng quản lý theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Ngày 12 tháng 10 năm 2024, trường THCS Lê Hồng Phong lập Hồ sơ đề nghị kiện toàn Hội đồng trường THCS Lê Hồng Phong với danh sách Hội đồng trường kèm theo như sau:

1. Ông Huỳnh Thiện Phong, Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng
2. Ông Trần Xuân Côn, Chủ tịch Công đoàn
3. Ông Nguyễn văn Hưng, Tổng phụ trách Đội TNTPHCM
4. Bà Dương Bích Hằng, Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên
5. Bà Đoàn Thị Thảo Lan, Tổ trưởng tổ Anh Văn.
6. Bà Đoàn Thị Thu Diệp, Tổ trưởng tổ Toán - Tin
7. Ông Lê Xuân Hiệp, Tổ trưởng tổ Ngữ Văn
8. Bà Đỗ Thị Huệ, Tổ trưởng tổ Văn phòng
9. Bà Lê Thị Hòa, phó Chủ tịch UBND xã Vũ Hòa
10. Ông Đinh Hồng Sáu, Trưởng Ban Đại diện cha mẹ học sinh
11. Học sinh Đinh Hồng Thanh Diệu, Học sinh lớp 6B

c) Quyết định bổ nhiệm Viên chức quản lý:

1. Ông Huỳnh Thiện Phong – Hiệu trưởng

Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Lê Hồng Phong.

2. Ông Trần Xuân Côn – Phó Hiệu trưởng

Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Lê Hồng Phong.

8. Các văn bản của trường THCS Lê Hồng Phong

STT	Số hiệu	Trích yếu
1	117/QĐ-THCSLHP	Ban hành Bộ quy tắc ứng xử tại Trường THCS Lê Hồng Phong.
2	34/NQ-THCSLHP	Hội nghị viên chức và người lao động trường THCS Lê Hồng Phong, năm học 2025-2026.
3	35/KHGD-THCSLHP	Kế hoạch Giáo dục nhà trường NH 2025-2026.
4	36/QĐ-THCSLHP	Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường THCS Lê Hồng Phong.
5	124/QĐ-THCSLHP	Ban hành nội quy tiếp công dân tại trường THCS Lê Hồng Phong.
6	42/QĐ-THCSLHP	Về việc Phân công nhiệm vụ cho viên chức và người lao động Năm học 2025-2026.
7	126/QĐ-THCSLHP	Về việc ban hành quy chế làm việc trường THCS Lê Hồng Phong.
8	44/KH-THCSLHP	Hoạt động giáo dục trải nghiệm, Hướng nghiệp. Năm học 2025-2026.
9	49/KH-THCSLHP	Xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống xâm hại trẻ em, năm học 2025-2026.
10	51/KH-THCSLHP	Triển khai công tác tư vấn tâm lý học đường năm học 2025-2026.
11	54/KH-THCSLHP	Giáo dục phòng, chống ma túy trong trường học năm học 2025-2026.
12	56/KH-THCSLHP	Triển khai các giải pháp tăng cường phòng chống bạo lực học đường trong trường học. Năm học: 2025-2026.
13	60/QĐ-THCSLHP	Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026 của trường THCS Lê Hồng Phong.
14	67/QĐ-THCSLHP	Về việc thành lập Hội đồng thi đua NH 2025-2026.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

[illegible]

11	Nhạc											
12	Hoạ	2	1	1							2	
13	Thể dục	3	1	2			1	2			3	
14	Tin học	1	1					1			1	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Diện tích (m ²)	Bình quân (m ² /hs)	Ghi chú
I	Số phòng học chính	10			Đủ
Trong đó	Phòng học kiên cố	10	450	0.71	
	Phòng học bán kiên cố	0			
	Bình quân lớp/phòng học	1.8			
	Bình quân học sinh trên lớp	35			
II	Số phòng bộ môn				
Trong đó	1. Phòng KHTN	1	100	2.9	Thiếu 01
	2. Phòng KHXH	1	100	2.9	
	3. Phòng Công nghệ	1	100	2.9	
	4. Phòng Mỹ Thuật	1	100	2.9	
	5. Phòng Âm nhạc	1	100	2.9	
	6. Phòng Tin học	1	100	2.9	
	7. Phòng Ngoại ngữ	0			Thiếu 01
	8. Nhà Thi đấu đa năng	0			Thiếu 01
III	Số phòng làm việc (Hiệu bộ)				
	1. Phòng Hiệu trưởng	1	23		
	2. Phòng Phó hiệu trưởng	1	23		
	3. Phòng Kế toán	1	23		
	4. Văn Phòng	1	46		
	5. Phòng Thiết bị	1	46		
	6. Phòng Tư vấn tâm lý	1	12		
	7. Phòng Chờ GV	1	18		
	8. Phòng Đội TN	1	50		
	9. Phòng Y tế	1	23		

	10. Phòng tổ CM	3	23		Thiếu 04
	11. Phòng kho	1	50		Thiếu 01
	12. Phòng Bảo vệ	1	24		Thiếu 01
	13. Thư viện	1	60		
	14. Phòng Hội trường	1	70		
IV	Số điểm trường	1			
V	Tổng số diện tích đất (m²)	1	14479,5	22.3	
VI	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1	1000	1.5	
VII	Tổng diện tích các phòng		900	1.4	
VIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)				
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định				
1.1	Khối lớp 6	3			
1.2	Khối lớp 7	5			
1.3	Khối lớp 8	4			
1.4	Khối lớp 9	3			
2	Tổng số thiết bị còn thiếu so với quy định				
2.1	Khối lớp 6	2			
2.2	Khối lớp 7	2			
2.3	Khối lớp 8	2			
2.4	Khối lớp 9	2			
3	Khu vườn trồng cây xanh	1			
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác				
1	Tivi	13			
2	Catxet	0			
3	Đầu video, đầu đĩa	0			
4	Máy laptop	5			
5	Máy tính bàn	22 bộ			
X	Nhà vệ sinh				
1	Nhà vệ sinh GV	2	46		
2	Nhà vệ sinh học sinh	2			
Trong	1.1 Nhà vệ sinh học sinh Nam	1	89.2		

đó	1.2 Nhà vệ sinh học sinh Nữ	1	89.2		
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Nước máy			
XII	Nguồn điện lưới	1 pha			
XIII	Kết nối Internet	04 line			

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

2.1. Bộ sách lớp 6

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6 Tập 1 Chân trời sáng tạo	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6 Tập 2 Chân trời sáng tạo	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6 Tập 1 Chân trời sáng tạo	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 6 Tập 2 Chân trời sáng tạo	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng.	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6 Tập Một (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang.	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh 6 Tập Hai (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 6 Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 6 Chân trời	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng.	Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	sáng tạo		
6	Lịch sử và Địa lí 6 Chân trời sáng tạo	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lỗ Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 6 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 6 Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ.	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 6 Cánh diều	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Nghiêm Thị Hồng Hà, Trần Vĩnh Khương, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My, Lương Minh Tân.	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 6 Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6 Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh.	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6 Chân trời sáng tạo-Bản 1	Đinh Thị Kim Thoa, VG Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam

2.2. Bộ sách lớp 7

T T	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ Văn 7 Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ Văn 7 Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Bảo Ngọc, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7 Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiên, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu cảm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Giáo dục Việt Nam
	Toán 7 Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiên, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu cảm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
4	KHTN 7 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Trần Ngọc Thắng, Nguyễn Tấn Trung.	Giáo dục Việt Nam

T T	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
5	Lịch Sử - Địa Lý 7 (Cánh diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Thế Bình (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm, Nguyễn Văn Ninh, Ninh Xuân Thao; Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (đồng Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tường Huy, Trần Thị Thanh Thủy, Hoàng Phan Hải Yến, Ngô Thị Hải Yến.	Đại Học Sư Phạm TP HCM
6	Giáo dục công dân 7 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam.	Giáo dục Việt Nam
7	Âm Nhạc 7 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyên	Đại Học Sư Phạm TP HCM
8	Mỹ Thuật 7 (Chân trời sáng tạo-Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (Đồng chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Nguyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam
9	Tin Học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
10	Công Nghệ 7 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiến Lực, Quách Văn Thiêm, Nguyễn Thị Thúy.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo Dục Thể Chất 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Ngô Việt Hoàng	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải Nghiệm 7	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm	Giáo dục Việt Nam

T T	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	(Chân trời sáng tạo – Bản 1)	Đình Văn	

2.3. Bộ sách lớp 8

T T	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8 Tập một (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam – Nguyễn Thành Thi (Đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8 Tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam – Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân, Nguyễn Thị Minh Ngọc.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8 Tập một (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (Đồng chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 8 Tập hai (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (Đồng chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 8 (Global success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng , Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tinh, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 8	Nguyễn Thị Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc	Nhà xuất bản Giáo dục

	(Chân trời sáng tạo)	Điệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung; Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Trần Viết Ngạc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phụng, Hồ Thanh Tâm.	Việt Nam
6	GDTC 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên) Hồ Bắc Sơn (Chủ biên) Võ Tuấn Anh - Nguyễn Xuân Đoan - Nguyễn Thị Hà - Lê Trường Sơn Chấn Hải - Trịnh Văn Hưng - Nguyễn Thành Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động TNHN 8 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 8 (Cánh diều)	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên) Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên	Công ty cổ phần đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết NXB Đại học Huế)
9	Mĩ thuật 8 (Chân Trời sáng tạo bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	GDCD 8 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 8 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lưỡng, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.4. Bộ sách lớp 9

TT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 9 Tập 1 Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9 Tập 2 Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 9, Tập 1 Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, Tập 2 Chân trời sáng tạo	<i>Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.</i>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng anh 9 Global success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 9 Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Đương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 9 Chân trời sáng tạo	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Việt Ngạc, Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Huỳnh Phẩm Dũng Phát (Chủ biên phần Địa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		lí), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt.	
6	Giáo dục Công dân 9 Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên) Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Nhà xuất bản: NXB Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) - Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên) - Phan Anh - Nguyễn Hải Châu - Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 9 Cánh Diều	Đỗ Thanh Hiền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Công ty cổ phần đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết NXB Đại học Huế)
9	Mĩ thuật 9 Chân trời sáng tạo – bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên) - Hồ Đắc Sơn (Chủ biên) - Vũ Tuấn Anh - Nguyễn Xuân Đoàn - Nguyễn Thị Hà - Lê Trường Sơn Chấn Hải - Trần Mạnh Hùng - Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 9 <i>Định hướng nghề nghiệp</i> Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 9 <i>Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà</i> Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Hoạt động trải nghiệm và Hướng nghiệp 9	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	Kết nối tri thức với cuộc sống	Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	
--	--------------------------------	----------------------------------	--

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá năm 2023: Đạt mức 2, cụ thể:

- Tổng số tiêu chí được đánh giá: 28 tiêu chí
- Số tiêu chí đạt mức 1: 28/28, tỷ lệ 100%
- Số tiêu chí đạt mức 2: 28/28, tỷ lệ 100%
- Số tiêu chí đạt mức 3: 12/20, tỷ lệ 60%
- Số tiêu chí không đạt mức 3: 8/20, tỷ lệ 40%

Kết quả đánh giá mức 4:

- Tổng số tiêu chí được đánh giá: 6 tiêu chí
- Số tiêu chí đạt mức 4: 1/6, tỷ lệ 16,7%
- Số tiêu chí không đạt mức 4: 5/6, tỷ lệ 83,3%

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

a) Trường được đánh giá ngoài năm 2023; được công nhận đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 2 theo Quyết định số 53/QĐ-SGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2023.

b) Trường được UBND tỉnh Bình Thuận công nhận đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 53/QĐ-SGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2023.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	626	142	193	158	133
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	53.99%	55.63%	50.78%	48.73%	63.16%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	40.73%	38.73%	43.52%	46.20%	32.33%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	5.11%	5.63%	5.18%	5.06%	4.51%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.16%	0.00%	0.52%	0.00%	0.00%
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	626	142	193	158	133
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	19.49%	14.08%	23.32%	24.05%	14.29%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	32.75%	35.92%	30.05%	28.48%	38.35%

3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	47.28%	50.00%	46.11%	46.20%	47.37%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.48%	0.00%	0.52%	1.27%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	626	142	193	158	133
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	99.52%	100.00%	99.48%	98.73%	100.00%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	4.31%	3.52%	3.11%	7.59%	3.01%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	14.54%	10.56%	18.13%	16.46%	11.28%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	5.59%	8.45%	6.22%	6.96%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.48%	0.00%	0.52%	1.27%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.32%	0.70%	0.00%	0.63%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.32%	0.00%	0.00%	1.27%	0.00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	5	0	0	0	5
1	Cấp tỉnh/ thành phố	5	0	0	0	5
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	133	0	0	0	133
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	133	0	0	0	133
VIII	Số học sinh nữ	309	71	100	68	70
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	13	3	3	3	4

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản cố định: Năm học 2025 – 2026

a. Tài sản cố định hữu hình:

- Số dư đầu năm	11.451.682.900 đồng
- Tăng trong năm	251.090.000 đồng
- Giá trị hao mòn, khấu hao lũy kế	5.135.521.182 đồng
- Giảm trong năm	67.600.000 đồng
- Số dư cuối năm	6.499.651.718 đồng

b. Tài sản vô hình:

- Số dư đầu năm	26.675.400.000 đồng
- Tăng trong năm	0 đồng
- Giảm trong năm (Hao mòn)	11.560.000 đồng
- Số dư cuối năm	26.663.840.000 đồng

2. Thu, chi hoạt động sự nghiệp: Năm học 2024-2025**a. Số liệu thu:**

- Dự toán thu học phí giao đầu năm	574.033.000 đồng
- Số thu trong năm	574.033.000 đồng

b. Nguồn học phí được để lại sử dụng trong năm:

- Số dư năm trước chuyển sang	447.494.521 đồng
- Được để lại trong năm nay (100%)	574.033.000 đồng
- Đã sử dụng và được ghi thu, ghi chi vào NSNN	936.674.367 đồng
- Học phí được để lại sử dụng, tồn chuyển năm sau:	84.853.154 đồng

c. Nguồn học phí 40% để lại CCTL:

- Số dư năm trước chuyển sang	282.197.025 đồng
- Để lại trong năm nay	75.641.200 đồng
- Đã sử dụng	272.985.071 đồng
- Tồn cuối năm	84.853.154 đồng

Ghi chú: Số tiền 60% chuyển năm sau là: 211.954 đồng

Số tiền 40% CCTL chuyển năm sau là: 75.641.200 đồng

Tổng cộng tồn chuyển năm sau: 84.853.154 đồng (*Đã được phòng tài chính ghi thu ghi chi*).

3. Quyết toán chi ngân sách:**a. Tổng dự toán được sử dụng trong năm: 8.448.474.567 đồng**

Bao gồm: - Tồn năm trước chuyển sang	23.935.567 đồng
- Dự toán giao trong năm:	8.424.539.000 đồng
+ <i>Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.758.124.852 đồng
+ <i>Kinh phí thực hiện không tự chủ</i>	419.933.000 đồng
+ <i>Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</i>	0 đồng
+ <i>Kinh phí cấp bù học phí</i>	15.880.000 đồng
+ <i>Kinh phí khen thưởng</i>	234.931.000 đồng

b. Đã sử dụng, đề nghị quyết toán 8.445.539.443 đồng

Bao gồm:	+ Kinh phí thực hiện tự chủ	7.777.378.263 đồng
	+ Kinh phí thực hiện không tự chủ	417.350.260 đồng
	+ Kinh phí cải cách tiền lương	0 đồng
	+ Kinh phí cấp bù học phí	15.880.000 đồng
	+ Kinh phí tiền thưởng	234.930.920 đồng

c. Dự toán còn tồn chuyển sang năm sau: 30.935.567 đồng

Bao gồm:	+ Kinh phí thực hiện tự chủ	352.304 đồng
	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	0 đồng
	+ Kinh phí thực hiện không tự chủ	2.582.740 đồng
	+ Kinh phí cấp bù học phí	0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục 3.1, 3.2, 3.3 đính kèm)

*** Số liệu ngân sách: Năm 2024**

Đvt: đồng

S T T	Nội dung	Tồn năm trước chuyển sang	Dự toán	Quyết toán	Tồn chuyển năm sau
1	Kinh phí ngân sách	23.935.567	8.424.539.000	8.445.539.433	2.935.124
-	Kinh phí tự chủ	19.605.615	7.758.124.952	7.777.378.263	352.304
-	Kinh phí CCTL	4.329.952	- 4.329.852		0
-	Kinh phí không tự chủ	0	419.933.000	417.350.260	2.582.740
-	Kinh phí cấp bù học phí	0	15.880.000	15.880.000	0
-	Kinh phí tiền thưởng		234.931.000	234.930.920	80
2	Kinh phí hoạt động SN	447.494.521	574.033.000	936.674.367	84.853.154
-	Thu học phí	447.494.521	574.033.000	936.674.367	84.853.154
	TỔNG CỘNG	471.430.088	8.998.572.000	9.382.213.800	87.788.278

*** Số liệu các khoản thu, chi từ nguồn vận động phụ huynh học sinh: Năm học 2024-2025**

Đvt: đồng

ST T	Nội dung thu	Tồn năm trước chuyển sang	Thu trong năm học 2024-2025	Chi trong năm học 2024-2025	Tồn chuyển năm học sau
1	Quỹ BDDCMHS	0	64.660.000	57.718.000	6.942.000
2	Quỹ ghế chao cờ K6	0	4.290.000	4.290.000	0
3	Quỹ kiểm tra, đề thi	0	37.156.500	37.156.500	0
4	Quỹ vệ sinh	0	22.050.000	22.050.000	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Học sinh đạt giải ở các kì thi cấp tỉnh trở lên (*IOE, HSG tỉnh*): 10 em.
2. Về Đội TNTP Hồ Chí Minh: Xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ
3. Về giáo viên: 04 Chiến sĩ thi đua cơ sở, 01 giáo viên được Chủ tịch UBND xã khen, 41/42 viên chức và người lao động đạt danh hiệu lao động tiên tiến.
4. Về tập thể tổ: Có 7 tổ đạt tập thể tổ lao động tiên tiến.
5. Tập thể đơn vị: Lao động tiên tiến năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Phòng Văn Hóa-XH Đức Linh;
- HT, PHT;
- Zalo THCS Lê Hồng Phong;
- Facebook THCS Lê Hồng Phong;
- Website THCS Lê Hồng Phong;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thiện Phong